

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 02/2023/DS-ST  
Ngày 06/01/2023  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản, kiện đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị V, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà Phan Thị Bé N, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Vũ Thị V trình bày:*

Do quen biết với nhau nên ngày 16/01/2020, bà V có cho bà Phan Thị Bé N vay số tiền 20.000.000đ, có làm giấy vay tiền, giấy vay tiền ngày 16/01/2020 là do bà V viết, bà N có ký tên và ghi họ tên vào, thời hạn vay là 01 tháng, không có thỏa thuận lãi suất. Khi đến hạn, bà V đã nhiều lần liên hệ nhưng bà N vẫn không trả nợ cho bà V, đối với số tiền này thì bà V yêu cầu bà N phải thanh toán cho bà V số tiền gốc 20.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/02/2020.

Ngoài ra, bà N còn vay của bà V 12.000.000đ, tiền góp theo ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, năm ngày góp 01 lần, bà N đã góp cho bà V được 5.000.000đ, đối với số tiền

góp này thì bà V không có làm giấy tờ gì, hiện tại thì bà N còn nợ của bà V 7.000.000đ. Đồng thời, lúc đó bà N thuê nhà của bà V có đặt tiền thế chân cho bà V là 5.000.000đ, khi bà N dọn đi thì bà V chưa có trả số tiền thế chân cho bà N, số tiền thế chân 5.000.000đ bà V cần trừ vào số tiền 7.000.000đ thì hiện tại bà N còn nợ của bà V 2.000.000đ, khi dọn đi bà N chưa thanh toán tiền điện nước cho bà V, hiện tại còn thiếu tiền điện nước của bà V là 380.000đ. Đối với số tiền này thì bà V chỉ yêu cầu trả tiền điện nước là 380.000đ, còn số tiền 2.000.000đ thì do bà V không làm giấy tờ gì nên bà V không yêu cầu bà N phải trả lại nữa.

Tổng số tiền mà bà V yêu cầu bà N phải thanh toán cho bà V là 20.000.000đ tiền gốc cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/02/2020 và số tiền điện nước bà N còn thiếu là 380.000đ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn bà Phan Thị Bé N trình bày: Bà có vay tiền của bà V nhưng không nhớ chính xác ngày tháng vay, khi vay có làm giấy vay tiền, bà có ký tên, ghi họ tên vào giấy vay tiền, với hình thức trả góp mỗi ngày 500.000đ, tiền góp trong thời hạn 44 ngày, tổng cả gốc và lãi là 22.000.000đ, bà N đã góp được 34 ngày được 17.000.000đ, trước đó khi thuê nhà của bà V thì bà có thế chân cho bà V 01 tháng tiền nhà là 5.000.000đ, như vậy bà đã góp đủ 22.000.000đ, đồng thời khi bà dọn đi khỏi nhà trọ của bà V thì bà còn nợ tiền điện, nước là 380.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc, lãi của số tiền 20.000.000đ thì bà không đồng ý vì bà đã góp đủ, bà chỉ đồng ý trả tiền điện nước còn thiếu là 380.000đ cho bà V. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bên thống nhất và thừa nhận với nhau về số tiền vay 20.000.000đ, lúc vay có làm giấy vay tiền, bà N thừa nhận có ký tên, ghi họ tên vào giấy vay tiền nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Bà N trình bày bà đã góp đủ tiền cho bà V nhưng mỗi lần góp tiền cho bà V thì không làm giấy tờ gì, cũng không ai làm chứng. Bà V không thừa nhận nhưng bà N không có chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn. Bị đơn thừa nhận khi thuê nhà của bà V, bà còn nợ tiền điện, nước là 380.000đ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền gốc 20.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/02/2020 và số tiền điện, nước còn thiếu là 380.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi đối với số tiền 20.000.000đ đã vay và yêu cầu trả số tiền điện, nước còn thiếu là 380.000đ nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn bà Phan Thị B Năm cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện

tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Vào ngày 16/01/2020 bà V cho bà N vay tiền, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày vay. Ngày 21/10/2022 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền vay 20.000.000đ: Ngày 16/01/2020 bà V cho bà N vay số tiền 20.000.000đ, lúc vay có làm giấy vay tiền, bà N có ký tên và ghi họ tên vào, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Bà N thừa nhận có vay số tiền 20.000.000đ của bà V, khi vay tiền thì bà V có làm giấy vay tiền, bà N có ký tên, ghi họ tên vào giấy vay tiền do bà V làm. Như vậy, việc bà N có vay số tiền 20.000.000đ của bà V là có thật, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định của Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N trình bày bà đã góp đủ tiền cho bà V nhưng mỗi lần góp tiền cho bà V thì không làm giấy tờ gì, cũng không ai làm chứng. Bà V không thừa nhận nhưng bà N không có chứng cứ gì chứng minh nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

[4] Đối với số tiền điện, nước 380.000đ còn thiếu: Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận khi bà N thuê nhà của bà V, bà N còn nợ tiền điện, nước là 380.000đ đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định của Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Từ những phân tích trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền gốc 20.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/02/2020 và số tiền điện, nước còn thiếu là 380.000đ.

[6] Về lãi suất của số tiền đã vay: Khi bà V cho bà N vay tiền thì không thỏa thuận lãi suất nên HĐXX tính lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tiền lãi mà bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 17/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2023 là 02 năm 10 tháng 19 ngày:  $(20.000.000đ \times 10\% \times 02 \text{ năm}) + (20.000.000đ \times 10\%/12 \times 10 \text{ tháng}) + (20.000.000đ \times 10\%/12/30 \times 19 \text{ ngày}) = 5.773.000đ$ . Như vậy, tổng số tiền bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là  $20.000.000đ + 5.773.000đ + 380.000đ = 26.153.000đ$ .

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị V đối với bị đơn bà Phan Thị Bé N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản”.

Buộc bà Phan Thị Bé N phải thanh toán cho bà Vũ Thị V số tiền là 26.153.000đ (Hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 5.773.000đ (Năm triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và tiền điện, nước 380.000đ (Ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

### **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn bà Phan Thị Bé N phải chịu 1.308.000đ (Một triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Vũ Thị V là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Khoa**